

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2023/HC-PT

Ngày 26-6-2023

V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 146/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1902/2022/HCST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1451/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 3 đường C, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng A. (*Có mặt*)

Địa chỉ: 5 đường số E, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. U (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Chủ tịch UBND thành phố T). (*Vắng mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Tuấn K – Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Vắng mặt*)

- Bà Phan Thị Minh L – Trưởng phòng Tiếp công dân, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Có mặt*)

- Bà Huỳnh Thị Kim L1 – Nhân viên phòng Tiếp công dân Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Vắng mặt*)

**Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 406/TB-TLVA ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là “xem xét hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U về việc không thụ lý đơn khiếu nại của ông T đối với hành vi không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông của Ủy ban nhân dân Quận U”. Hồ sơ thụ lý sơ thẩm số 406/HCST ngày 16/10/2017. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 1454/2020/QĐST- HC ngày 11/9/2020 (lý do người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có ủy quyền hợp lệ). Ông T kháng cáo.

Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 375/2021/QĐ-PT ngày 27/10/2021 về việc giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 1454/2020/QĐST-HC ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (chấp nhận ông Nguyễn Hoàng A là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng).

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Cha mẹ ông T là bà Lê Thị H và Nguyễn Văn H1 (đã mất năm 2013), ông H và bà H1 có 2.698,55m² đất nông nghiệp tại Quận B (nay là thành phố T). Năm 2010, để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cảng C thì Ủy ban nhân dân Quận U ban hành quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông (bà) Lê Thị H có căn nhà (thửa đất) thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 4 (TL 1990), thuộc thửa 9 và một phần thửa 2, tờ bản đồ số 44 (BĐĐC 2003), phường T, Quận B. Do bà H không đồng ý về giá bồi thường và có tranh chấp khác nên sự việc kéo dài mà chưa chi trả đền bù. Sau đó, Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B đã gửi tiền hỗ trợ vào Ngân hàng và Ủy ban nhân dân Quận U tiến hành thu hồi đất đối với gia đình bà H. Do bản thân bị tai nạn nên đến năm 2016 bà H ủy quyền cho ông Trần Quang C để yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận U thực hiện việc bồi thường theo quyết định số 13240/QĐ-UBND. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Quận U ban hành văn bản số 2272/UBND-BBT ngày 21/5/2016 cho rằng do có đơn tranh chấp của bà Võ Thị Thanh H2 nên không chi trả mặc dù bà H2 không chứng minh có khởi kiện dân sự. Đến ngày 02/6/2016, Ủy ban nhân dân Quận U ban hành văn bản số

2440/UBND-BBT cũng từ chối thực hiện việc bồi thường, cho rằng gia đình bà H chưa phân chia di sản thừa kế. Sau đó gia đình ông đã làm thủ tục khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Theo văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập tại Văn phòng C1, số công chứng 000607 quyền số 01.TP/CC- SCC/HĐGD và Hợp đồng tặng cho tài sản lập tại Văn phòng C1, số công chứng 000608 quyền số 01.TP/CC- SCC/HĐGD thì ông Nguyễn Văn T được nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với phần đất được bồi thường theo quyết định số 13240/QĐ-UBND. Ông T ủy quyền cho ông Trần Quang C liên hệ với Ủy ban nhân dân Quận U để yêu cầu chi trả bồi thường. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Quận U tiếp tục cho bộ phận tham mưu ra văn bản bác đơn của ông T. Không đồng ý với cách giải quyết này nên ông T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng luật khiếu nại. Đơn khiếu nại được gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017, bưu phẩm số hiệu EA760897479VN tại bưu cục C. Đến tháng 10/2017 do ông không nhận được phản hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U nên ông khởi kiện.

Ngày 28/7/2022 và tại biên bản về việc không tiến hành đối thoại được vào các ngày 19/5/2022, 28/7/2022, đại diện theo ủy quyền của ông T xác định khởi kiện hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T) về việc không thụ lý đơn khiếu nại của ông đối với yêu cầu chi trả tiền đền bù phần đất nông nghiệp có diện tích 2.698,55m² theo đúng nội dung Quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010. Đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) phải có trách nhiệm chi trả tiền đền bù theo quyết định số 13240/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T xác định như sau:

1. Rút yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) phải có trách nhiệm chi trả tiền đền bù theo quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010.
2. Yêu cầu tuyên hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) do không giải quyết đơn khiếu nại mà ông T đã gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017, bưu phẩm số hiệu EA760897479VN tại bưu cục C.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày ý kiến tại văn bản số 2123/UBND-BBT ngày 15/6/2018 và văn bản số 5574/UBND-BBT ngày 07/9/2022, cụ thể:

Ủy ban nhân dân Quận U ban hành quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông (bà) Lê Thị H có căn nhà (thửa đất) số: một phần thửa 126, tờ bản đồ số 4 (TL 1990), thuộc thửa 9 và một phần thửa 2, tờ bản đồ số 44 (BĐĐC 2003), phường T, Quận B. Do bà H không đồng ý về giá bồi thường và có tranh chấp khác nên sự việc kéo dài mà chưa chi trả đền bù. Do có khiếu nại nên ngày 02/6/2013, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã gửi toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án và hỗ trợ thêm ngoài phương án của chủ đầu tư đối với bà Lê Thị H vào Ngân hàng TMCP C2 - chi nhánh T2, số tiền 1.952.316.000 đồng. Ngày

20/12/2013, bà Lê Thị H đã đồng ý giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Ngày 31/8/2017, Công ty Cổ phần T3 bổ sung cho hộ bà H số tiền là 915.935.910 đồng. Hộ bà H không có ý kiến về giá bồi thường.

Năm 2016, ông Trần Quang C (đại diện ông Nguyễn Văn T) có đơn yêu cầu thực hiện bồi thường. Bà Võ Thị Thanh H2 (đại diện bà Đặng Thị Như N) có đơn khiếu nại về hồ sơ bồi thường của bà Lê Thị H. Ngày 19/3/2018, Ủy ban nhân dân phường T có mời ông Trần Quang C (đại diện ông Nguyễn Văn T) và bà H2 làm việc. Ngày 04/4/2018, Ủy ban nhân dân Quận U ban hành văn bản số 1058/UBND-TTr về trả lời đơn của ông C và bà H2. Ngày 18/4/2018, ông C tiếp tục có đơn đề nghị chi trả tiền bồi thường.

Ngày 04/5/2018 Tòa án nhân dân Quận 2 ban hành Thông báo thụ lý số 95/2018/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là Lê Tuấn A1, Đặng Thị Như N, Võ Thanh T1, bị đơn là Nguyễn Văn T. Ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân Quận 2 ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2018/QĐ-BPKCTT đối với tài sản đang tranh chấp.

Ông C tiếp tục có đơn kiến nghị. Ngày 18/5/2018, Ban B có văn bản số 565/BBT về trả lời đơn cho ông C, không đồng ý bồi thường do có tranh chấp và do Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên tài sản đang tranh chấp. Theo Khoản 2 Phần VIII phương án 112/PA-UB ngày 09/12/2002 của Hội đồng bồi thường dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 5480/QĐ-UB ngày 30/12/2002, thì những trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà chỉ được đền bù, hỗ trợ sau khi tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng quyết định có hiệu lực thi hành. Do đó, vào năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận U chưa thực hiện chi trả bồi thường.

Ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân Quận 2 ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST, tuyên xử “không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Lê Tuấn A1, Đặng Thị Như N, Võ Thanh T1....; Ông Lê Tuấn A1, Đặng Thị Như N, Võ Thanh T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được nhận mọi quyền lợi bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư (nếu có) đối với toàn bộ diện tích 7367,42m2 thuộc thửa 111 và một phần thửa 106, tờ bản đồ số 37(BĐĐC) thuộc thửa 2 và thửa 9 tờ bản đồ số 44 xã T, huyện T (theo tài liệu 2002), thuộc một phần thửa 126 và một phần rạch, tờ bản đồ số 4, xã T huyện T theo tài liệu chính lý 1990”. Ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành bản án dân sự phúc thẩm số 786/2020/DS-PT, tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2.

Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1902/2022/HCST ngày 21 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) phải có trách nhiệm chi trả tiền đền bù theo quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận U.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc tuyên hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) không giải quyết đơn khiếu nại mà ông T đã gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017, bưu phẩm số hiệu EA760897479VN tại bưu cục C là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/11/2022, người khởi kiện kháng cáo với nội dung đề nghị hủy án sơ thẩm do xét xử không đúng tình tiết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình thêm chứng cứ mới, chỉ trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định đơn đề ngày 15/6/2017, bưu phẩm số hiệu EA760897479VN tại Bưu cục C là đơn khiếu nại, phải được giải quyết theo đúng quy định của luật khiếu nại..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng pháp luật..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án

Về thủ tục tố tụng, Tòa án hai cấp đã tuân thủ đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tố tụng hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng đã tuân thủ quy định pháp luật, các chứng cứ đã thu thập hợp pháp và đủ để giải quyết các vấn đề của vụ án.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ, tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải, đối thoại giữa người khởi kiện và bị kiện, căn cứ vào tài liệu được thu thập trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện với 02 yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T) phải có trách nhiệm chi trả tiền đền bù theo Quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 và yêu cầu tuyên hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T) do không giải quyết đơn khiếu nại mà ông đã gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T đã rút lại yêu cầu khởi kiện đầu tiên. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định của điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính.

Xét yêu cầu tuyên hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T) do không giải quyết đơn khiếu nại mà ông đã gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017 thấy rằng:

Tại Đơn Khiếu nại đề ngày 15/6/2017 do ông Trần Quang C (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T ban đầu) (BL 251 - 253) có nội dung phản ánh quá trình giải quyết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị H (mẹ ông T) của Ban B là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà H. Yêu cầu cụ thể trong đơn là “...*đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét làm rõ nội dung đơn khiếu nại của ông C đối với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đúng theo quy định pháp luật*”.

Diễn biến vụ việc thể hiện: sau khi nhận đơn ngày 15/6/2017 thì Ủy ban nhân dân phường T đã mời ông C và bà Võ Thị Thanh H2 làm việc vào ngày 19/3/2018; đến ngày 04/4/2018, Ủy ban nhân dân Quận U ban hành Văn bản số 1058/UBND-TTr xác định không có tình tiết mới để xem xét giải quyết khiếu nại Văn bản số 729/BBT ngày 29/5/2017 của Ban B. Văn bản số 1058/UBND-TTr ngày 04/4/2018 của Ủy ban nhân dân Quận U đã giải quyết nội dung trong đơn đề ngày 15/6/2017.

Về hình thức, đơn đề ngày 15/6/2017 không phải là đơn khiếu nại theo Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn thư khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Về nội dung: đơn có nội dung kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận U làm rõ việc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B không thi hành quyết định bồi thường 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận U.

Như vậy, văn bản mà ông T cho là đơn khiếu nại đã không được làm đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Khiếu nại 2011. Ủy ban nhân dân Quận U đã xử

lý đơn kiến nghị theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ là đúng quy định. Ông T khởi kiện căn cứ vào Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U không giải quyết khiếu nại là không có cơ sở. Án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Như phân tích trên, việc tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn khởi kiện và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông như nội dung án sơ thẩm đã tuyên là đúng quy định pháp luật. Người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T được miễn án phí phúc thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc buộc Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) phải có trách nhiệm chi trả tiền đền bù theo quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận U.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc tuyên hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận U (nay là Thành phố T) không giải quyết đơn khiếu nại mà ông T đã gửi qua đường bưu điện ngày 15/6/2017, bưu phẩm số hiệu EA760897479VN tại bưu cục C là trái pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thụy Vũ**